

Tổ chức chính quyền địa phương ở Việt Nam từ thế kỷ XV đến thế kỷ XIX và giá trị kế thừa

Phạm Thị Thu Hiền*

Nhận ngày 03 tháng 06 năm 2025. Chấp nhận đăng ngày 22 tháng 12 năm 2025.

Tóm tắt: Chính quyền địa phương trong bất kỳ một giai đoạn lịch sử nào đều có vị trí quan trọng trong tổ chức bộ máy nhà nước. Các vương triều phong kiến từ thời Hậu Lê đến thời Nguyễn đều thiết lập sự quản lý đối với chính quyền địa phương, đảm bảo quyền lực luôn thống nhất. Việc phân định các cấp quản lý, quy định rõ chức năng, thẩm quyền của mỗi cấp chính quyền, các cơ quan tạo nên hiệu quả trong tổ chức và quản lý. Đồng thời, những biện pháp giám sát, mối liên hệ giữa các cấp trong chính quyền địa phương, giữa trung ương với địa phương, giúp đảm bảo sự thống nhất về quyền lực, sự quản lý của nhà nước. Những kinh nghiệm trong việc tổ chức, quản lý chính quyền địa phương phong kiến đã để lại những giá trị nhất định cho việc tổ chức, quản lý chính quyền địa phương ở Việt Nam hiện nay.

Từ khoá: Tổ chức, chính quyền địa phương, Việt Nam, thế kỷ XIV, thế kỷ XV.

Phân loại ngành: Luật học

Abstract: Local administration has held an important role in the organization of the state apparatus during any historical period. The feudal dynasties, from the Later Lê dynasty to the Nguyễn dynasty, established systems of governance over local authorities to ensure the unity of state power. The delimitation of management levels clearly stipulated the functions and competencies of each level of administration and its agencies, thereby enhancing efficiency in organization and management. At the same time, mechanisms to monitor the relationship across all levels in local administration, as well as between the central and local authorities, helped ensure the unity of power and management of the state. The experience in organizing and managing local administration in the feudal era has provided certain values for the organization and management of local administration in Vietnam today.

Keywords: Organizations, local administrations, Vietnam, the 14th century, the 15th century.

Subject classification: Jurisprudence

1. Mở đầu

Trên lãnh thổ Việt Nam, nhà nước đầu tiên của người Việt là Văn Lang - Âu Lạc, song tổ chức quản lý khi đó vẫn còn mang dấu ấn của xã hội thị tộc, bộ lạc. Hệ thống chính quyền địa phương chỉ thực sự hình thành từ thời Bắc thuộc, khi Âu Lạc bị sáp nhập vào mô hình cai trị nhiều cấp của phong kiến Trung Quốc. Cùng với chính sách đô hộ, mô hình tổ chức hành chính theo lãnh thổ gồm quận (phủ), huyện, xã được du nhập vào nước ta. Đến thời Khúc Thừa Dụ, trên cơ sở tiếp thu và cải biến mô hình này, chính quyền địa phương được tổ chức lại theo hệ thống lộ - phủ - châu - giáp - xã. (Quốc sử quán triều Nguyễn, 1998: 218). Điều này cho thấy, các chính quyền độc lập tự chủ của người Việt thời Bắc thuộc đã có ý thức tiếp thu, học tập từ Trung Quốc, đặt nền tảng cho cách thức quản lý theo đơn vị hành chính lãnh thổ thời kì phong kiến độc lập sau này của Việt Nam. Tổ chức chính quyền địa phương ngày càng được hoàn thiện từ thế kỉ XV đến thế kỉ XIX. Bài viết tập trung vào một số vấn đề như: phân chia đơn vị hành chính, thẩm quyền các cấp, giám sát hệ thống chính quyền địa phương từ thời kì Hậu Lê đến thời kì quân chủ Nguyễn, đặc biệt thời kì gắn liền với cải cách của vua Lê Thánh Tông và vua Minh Mệnh dưới góc độ lịch sử và luật học. Đồng thời, qua đó, bài viết rút ra một số giá trị kế

* Trường Đại học Luật Hà Nội.
Email: hienptt.dhl@gmail.com

thừa về tổ chức chính quyền địa phương, phân cấp và nhân sự đối với việc tổ chức và quản lý của chính quyền địa phương ở Việt Nam hiện nay.

2. Phương pháp nghiên cứu

Bài viết vận dụng tổng hợp nhiều phương pháp nghiên cứu, trong đó phương pháp lịch sử giữ vai trò chủ đạo nhằm làm rõ quá trình hình thành, vận động và phát triển của tổ chức chính quyền địa phương Việt Nam trong suốt năm thế kỉ. Đồng thời, phương pháp luật học được sử dụng để phân tích cơ sở pháp lý về thẩm quyền, chức năng của các cấp chính quyền và trách nhiệm của quan lại qua các quy định trong *Quốc triều hình luật* thời Lê và *Hoàng Việt luật lệ* thời Nguyễn. Bên cạnh đó, phương pháp so sánh đồng đại và lịch đại giúp chỉ ra những điểm tương đồng, khác biệt trong phân cấp hành chính, tổ chức bộ máy và phân bổ thẩm quyền giữa thời Lê sơ và thời Nguyễn, cũng như giữa thời phong kiến và hiện nay, qua đó rút ra những giá trị kế thừa cho quá trình hoàn thiện bộ máy nhà nước đương đại. Ngoài ra, bài viết còn sử dụng phương pháp phân tích văn bản và sử liệu, dựa trên các nguồn tư liệu có độ tin cậy cao như *Đại Việt sử kí toàn thư*, *Đại Nam thực lục*, *Hội điển*, *hương ước*, nhằm làm rõ đặc trưng tự quản của làng xã và cơ chế kiểm soát, giám sát quyền lực ở địa phương thời phong kiến.

Việc kết hợp linh hoạt các phương pháp này sẽ giúp bài nghiên cứu vừa đạt được chiều sâu lịch sử, vừa làm rõ phương diện pháp lý và giá trị tham chiếu đối với việc tổ chức chính quyền địa phương ở Việt Nam hiện nay.

3. Kết quả và thảo luận

3.1. Thực trạng tổ chức chính quyền địa phương từ thế kỉ XV đến thế kỉ XIX

3.1.1. Phân cấp đơn vị hành chính địa phương

Hệ thống chính quyền địa phương ở Việt Nam trong các thế kỉ XV - XIX tiếp tục được tổ chức theo đơn vị hành chính lãnh thổ. Nhìn chung có 3 cấp cơ bản: đạo (tỉnh); phủ; huyện (châu) và xã.

- Cấp đạo thời Lê và cấp tỉnh thời Nguyễn: Với mong muốn hạn chế tệ phân quyền cát cứ và quản lý hiệu quả, từ thế kỉ XV, việc tổ chức cấp hành chính cao nhất trực thuộc trung ương được chú trọng và thay đổi. Vua Lê Thánh Tông đã tiến hành cải tổ cấp đạo bằng 3 biện pháp: *một là*, thiết lập ba cơ quan quản lý cấp đạo gồm Thừa ty, Đô ty và Hiến ty; *hai là*, chia nhỏ địa dư các đạo, từ năm đạo¹ thời kì đầu chia thành 13 đạo²; *ba là*, đặt ty ngự sự giám sát các đạo theo nguyên tắc một ty giám sát 2-3 đạo. Thời Nguyễn³, sau cải cách của vua Minh Mệnh, cấp thành, trấn thời kì vua Gia Long bị bãi bỏ, cấp tỉnh được thiết lập với 30 tỉnh đặt dưới sự quản lý của 5 viên quan và hai ty Bồi chánh và Án sát (Quốc sử quán triều Nguyễn, 1994, t.1: 205-206; Nguyễn Minh Tường, 2015: 408).

- Cấp hành chính trung gian (phủ, huyện, châu): phủ là cấp hành chính trung gian, dưới đạo thời Lê và dưới tỉnh thời Nguyễn. Huyện và châu là cấp trực tiếp nối quyền lực trung ương với cơ sở, trong đó huyện thuộc đồng bằng, châu thuộc miền núi. Đứng đầu các đơn vị này là Tri phủ, Tri huyện, với Đồng tri phủ, Đồng tri huyện làm phó. Riêng ở châu, các triều đại phong kiến phần lớn giao cho Thổ tri châu là người địa phương quản lý; đến thời Minh Mệnh, nhà Nguyễn thực hiện chế độ lưu quan, cử quan miền xuôi lên phối hợp với thổ quan để cai trị miền núi. Thời Nguyễn, cấp phủ, huyện được phân chia thành các loại phủ huyện khác nhau là loại tối yếu khuyết, yếu khuyết, trung khuyết và giản khuyết dựa trên đặc điểm tình hình dân cư, tính

¹ Lê sơ: 5 đạo: Đông đạo (Thượng Hồng; Hạ Hồng, Nam Sách Thượng, Nam sách hạ, An Bang); Bắc đạo (Bắc Giang, Thái Nguyên, Lạng Giang); Tây đạo (Tam giang, Tuyên Quang, Hưng Hóa, Gia Hưng); Nam đạo; Hải tây đạo (Thanh Hóa, Nghệ An, Tân Bình, Thuận Hóa).

² Năm 1446-1471 có 13 đạo: Thanh Hóa, Nghệ An, Thuận hóa, Thiên Trường, Quốc Oai, Nam Định, Bắc Giang,

³ Thời vua Gia Long, cả nước chia thành 27 doanh (Đàng Trong cũ) và trấn (Đàng Ngoài cũ) với hai khu hành chính trung gian là Bắc thành (năm 1802) và Gia Định thành (năm 1808). Dưới trấn, doanh là các phủ, huyện, tổng, xã.

chất công việc⁴... (Quốc sử quán triều Nguyễn, 2023, t.3: 240-241). Trên cơ sở phân chia đó, vua Nguyễn đã bổ nhiệm nhân sự phù hợp với từng loại phủ, huyện.

- Cấp tổng: dưới thời Nguyễn, tổng quản lý từ 5-6 xã, có nhiệm vụ: “Đến kỳ binh lương thì thu thuế đúng hạn, có trộm giặc lên lút thì nã bắt, hay có cường hào gàn dở thì vạch rõ để trị tội, có kẻ điều toa gian dối thì trừng trị để cho thuế khoá xong đủ, địa phương yên ổn, dân không bị tổn hại và không bị phiền nhiễu” (Nội các triều Nguyễn, 1993: 255). Tuy nhiên, xét trên thực tiễn thì tổng chưa hẳn là một cấp chính quyền nhà nước vì Cai tổng không phải do dân bầu như ở cấp xã và cũng không phải do triều đình trung ương chỉ định mà là do xã trưởng các xã trong huyện thuộc tổng đó bầu lên.

- Cấp xã: do cấu trúc xã hội truyền thống của người Việt được tổ chức theo trật tự *nhà - làng - nước*, làng xã giữ vai trò đặc biệt quan trọng trong việc tiếp nhận và chuyển tải chính sách của nhà nước. Dưới thời Lê và Nguyễn, các xã được phân thành tiểu xã, trung xã và đại xã theo số hộ dân, từ đó quy định số lượng người đứng đầu tương ứng. Trước thế kỉ XV, đơn vị xã do Xã quan do triều đình bổ nhiệm cai quản. Sau cải cách của Lê Thánh Tông, chức Xã quan bị bãi bỏ, thay bằng Xã trưởng do dân bầu, với các tiêu chuẩn về tuổi tác, sức khỏe, học thức và phẩm hạnh. Sang thời Nguyễn, Xã trưởng tiếp tục được thay bằng Lý trưởng, có Phó lý trợ giúp với tiêu chuẩn “lấy người vật lực cần cán cho làm, do Cai tổng cùng dân làng đồng từ bầu cử, phủ huyện xét kỹ lại, bầm lên trán để cấp văn bằng và mộc triện cho” (Quốc sử quán triều Nguyễn, 2023: 729). Đồng thời, triều Nguyễn chính thức thừa nhận, làng xã người Việt tồn tại hai thiết chế quản lý: *một là* Hội đồng kì mục do người dân bầu lên giải quyết các công việc trong làng; *hai là* Hội đồng chức dịch do dân bầu lên theo tiêu chí của Nhà nước, đại diện cho nhà nước truyền tải và thực hiện các chính sách của nhà nước tới người dân.

3.1.2. Tổ chức bộ máy hành chính và phân định thẩm quyền các cấp của chính quyền địa phương

Để quản lý có hiệu quả chính quyền địa phương, đảm bảo có sự phân công phối hợp trong việc thực hiện những chức năng của nhà nước, các vị vua Lê và Nguyễn đã phân định rõ thẩm quyền của các cấp và các chức quan ở mỗi địa phương. Cụ thể:

- Đối với cấp đạo (Lê), tỉnh (Nguyễn): cả hai vương triều đều chú trọng hạn chế sự tập trung quyền lực vào một cơ quan hay cá nhân. Thời Lê, cơ chế Tam ty ở cấp đạo phân chia thẩm quyền tương đối rõ ràng: thừa ty phụ trách về hành chính dân sự (hộ khẩu, thóc tiền, kiện tụng...); hiến sát sứ ty đảm trách công việc kiểm tra, giám sát và tư pháp (đàn hặc, khám đoán, xét hỏi, khảo khoá, tuần hành...); đô ty phụ trách quân sự và tuần phòng, canh giữ những nơi hiểm yếu (Vũ Thị Yên, 2015). Thời Nguyễn, bên cạnh hai cơ quan An sát sứ ty (Niết ty có chức trách giữ hình phạt trong tỉnh, phát dương kỷ cương, phong tục, xem xét việc quan lại trị dân) và Bố chính sứ

⁴ Nơi xung yếu: 1. Những chỗ phụ cận kinh thành, trấn, đạo, sai dịch tàn phiền bận rộn; 2. Những chỗ đồ hội xe thuyền tụ họp nhân vật huyền ảo phức tạp, hay sinh ra tranh cãi đánh nhau và trộm cắp; 3. Những nơi ven núi, ven biển, có đất hiểm trở, có thể làm căn cứ, giặc cướp thường hay ẩn hiện cướp bóc dân cư; 4. Những nơi tiếp giáp trấn khác hoặc các trại man hay có giặc cướp vượt bờ cõi, sang quấy nhiễu; 5. Đất liền đường cái quan, có nhiều cầu cống, công văn, công hoá phải tải đi, cũng là đường sứ dịch phải đi qua; phạm những chỗ quan yếu qua lại, phải gia tâm đề phòng bảo vệ; 6. Chỗ có đề công, quan hệ đến lợi hay hại của nhà nông, gặp có mưa lụt, cần phải phòng bị trước.

Nơi bận rộn: 1. Đất rộng, người nhiều, số binh lương gấp bội phải đốc thúc nhiều; 2. Thừa kiện nhiễu, văn án bận, phải tra hỏi khám xét luôn.

Nơi vất vả: 1. Đất xấu lắm sỏi đá hoặc chua, hoặc mặn, hằng năm cấy nhiều gặt ít, hoa lợi cũng kém; 2. Đất khô khan hoặc thấp ướt, hơi nắng hơi lụt đã bị tổn hại; 3. Dân xã nhiều người xiên tán, hộ khẩu giảm sút, thuế khoá sưu dịch vì thế không đóng góp được

Nơi khó khăn: 1. Xưa nay nhiều những kẻ du thủ du thực, không chịu làm ăn lại chứa chấp tụ họp côn đồ, cướp bóc bừa bãi, sinh trộm cướp nhiều; 2. Dân nhiều kẻ điều toa ngoan ngạnh, lại dịch nhiễu kẻ xảo trá, dọa nạt thường dân, lập ra bè đảng cùng hại lẫn nhau, đến nỗi xảy ra nhiều án mạng; 3. Có nhiều cường hào tỵ sự chia nhau ăn cho béo, lại khéo lo toan được lọt lưới, đến nỗi lính trốn thuế thiếu, khó đóng góp cho đủ được.

ty (Phiên ty có chức trách coi việc thuế má, tiền của, đình điền, tuyên đạt các chức việc của triều đình và chính quyền cho dân chúng biết) còn thiết lập hệ thống quan lại cấp tỉnh với chức trách riêng: Tổng đốc giữ việc cai trị quân dân, cầm đầu các quan văn võ trong toàn hạt, khảo hạch các quan, sửa sang bờ cõi; Tuần phủ giữ việc tuyên bố đức ý của triều đình, vỗ yên nhân dân, coi giữ các việc chính trị, giáo dục, mở điều lợi; Bố chánh giữ việc thuế khóa, tài chính, tuyên đạt ân trạch, chính lệnh của triều đình; Án sát giữ việc kiện tụng, chấn hưng phong hóa ki cương, thanh trừng quan lại tha hóa, kiêm coi công việc bưu trạm; Lãnh binh chuyên coi quản binh lính theo Tổng đốc, Tuần phủ (Quốc sử quán triều Nguyễn, 1994: 205-206).

Trong quá trình thi hành công vụ, các quan lại và cơ quan ở cấp đạo, tỉnh luôn phải phối hợp để thực hiện chức năng quản lý nhà nước. Chẳng hạn, trong việc khảo xét quan lại địa phương thời Lê, Thừa ty và Hiến ty cùng phối hợp, đồng thời liên hệ với Bộ Lại và Ngự sử đài để tiến hành xem xét. Vua Lê lệnh “hai ty thừa hiến các xứ phải xét kỹ công tội của các quan phủ huyện đã làm, cứ đến cuối năm chia thành 3 bậc thượng trung hạ mà khảo xét... Tất cả đều kê rõ họ tên, chưa kỹ sự việc làm bản thảo gửi cho Lại bộ thu xét... Quan Thừa hiến nếu có ai quả vì ân oán, hỏi hội công tội đảo điền thì các quan ở khoa, đài tra xét hặc tấu để đưa xét hỏi. Quan ngự sử cũng phải xét kỹ công quan Thừa Hiến các xứ” (*Đại Việt sử ký toàn thư*, 1993: 1523-1524).

- Cấp trung gian phủ/huyện: đây có thể được coi là cầu nối giữa đạo/tỉnh đến cấp cơ sở (xã), phối hợp với các cấp để thực hiện các công việc của nhà nước. Các vua triều Lê quy định: “Quan phủ lộ châu huyện phải tuyên bố đức ý của triều đình, chăm sóc dân chúng trong hạt, xét kiện tụng, thu thuế khoá, sai dịch phải giữ liêm khiết, công bằng, không được đem tiền của biểu xén, nịnh hót quan trên để hòng được thăng chức quan” (*Đại Việt sử ký toàn thư*, 1993: 1253).

- Cấp xã: trong lịch sử, cấp xã vai trò lớn trong việc thực hiện các chính sách của nhà nước. Thông qua các quy định của nhà nước, thẩm quyền của Lý trưởng thời Nguyễn là tổ chức phòng, chống thiên tai; ngăn ngừa các tệ nạn xã hội; giữ an ninh trật tự trong làng xã; hoà giải hoặc giải quyết tranh chấp nhỏ; xác nhận thông tin cho người dân (giấy thông hành, tư cách dự thi); đốc thúc thu thuế khoá, lao dịch, binh dịch cho nhà nước; quản lý dân đinh, địa bạ, điền bạ; phổ biến Nho giáo tới người dân (Vũ Duy Mên, 2008: 342-348). Bên cạnh đó, các việc trong xã đều phải thảo luận và quyết định tập thể. Điều 27 Mộ Trạch xã cựu khoán có ghi: “Xã ta, mỗi khi có việc gì cần, chỉ nghe 3 hội trưởng hoặc chuông thì các quan viên, văn thuộc xã trưởng, thôn trưởng, hương lão, trên dưới đều phải tới đình hội đủ mặt để bàn” (Lê Đức Tiết, 2020: 82).

Trong quá trình thực thi công vụ, các cấp phủ, huyện và xã luôn phối hợp nhằm bảo đảm chức năng quản lý của nhà nước. Trong lĩnh vực thi cử, xã trưởng có trách nhiệm kê khai, bảo đảm tư cách thí sinh đề quan phủ, huyện, châu thẩm xét; nếu khai báo sai hoặc khảo hạch thiếu nghiêm túc thì sai nhân của khoa, đài đó phải dò ra sự thực, giao hết lên để xét hỏi trị tội (*Đại Việt sử ký toàn thư*, 1993: 1527). Tương tự, trong việc hộ đê, cấp trên giữ vai trò chỉ đạo, kiểm tra và đôn đốc cấp dưới: “Xứ nào trong hạt có đê điều bị vỡ, ngập mất lúa mùa mà có thể giữ nước để làm vụ chiêm thì hai ty Thừa, Hiến lệnh cho các quan hà đê, khuyến nông các phủ, huyện, châu phải nhân dịp nước rút dần, nghĩ trước kế chống đói cho dân, xem xét địa thế, tùy theo tiện nghi, đốc thúc dân làng coi bờ đắp ruộng, cần phải giữ lấy nước làm vụ chiêm” (Ngô Sĩ Liên, 1993: 491).

Đặc biệt trong quá trình thực thi nhiệm vụ, nếu để xảy ra sai sót, quan lại địa phương sẽ bị áp dụng hình phạt nhất định. Điều 285 *Quốc triều hình luật* quy định: “Các quan xã làm sổ hộ khẩu mà khai bỏ sót số dân đinh thì từ 1 người trở lên xử tội biếm, 6 người trở lên xử tội đồ, 15 người trở lên xử tội lưu, 20 người trở lên xử tội lưu đi châu xa là cùng” (Viện Sử học, 2009: 66). Lê Điều 396 *Hoàng Việt luật lệ* quy định: “Hàng năm đến ngày mùng 1 tháng 10, quan phủ, huyện theo lệ thân hành khám xét con đê trong hạt, nếu có chỗ nào bị xói lở, hoặc thể nước xói mạnh cần phải tu sửa lại hay bồi đắp thêm, hoặc phải đắp đê mới thì kê rõ kích thước cho chính xác. Ở nơi nào cửa cống bị sụt phải sửa chữa hay làm cống mới đều hạn trong mười ngày làm thành bộ gửi lên quan trên” (Viện Sử học, 2009: 994).

3.1.3. Thiết lập sự giám sát chính quyền địa phương

Để tạo dựng được một chính quyền địa phương mạnh, hạn chế sự lạm quyền, nạn cát cứ địa phương, các vị vua Lê và Nguyễn đều thiết lập đa dạng các phương thức giám sát.

- Giám sát từ trung ương đến địa phương. Sự giám sát này có thể thông qua cơ quan giám sát, đoàn thanh tra của trung ương, kinh lược đại sứ. Trên cơ sở tiếp thu chức quan và cơ quan giám sát chung của Trung Quốc, cơ quan giám sát chung thời Lê, Nguyễn được hoàn thiện với tên Ngự sử đài và Đô sát viện. Trong cơ cấu tổ chức của cơ quan này, các ty Ngự sử và các chức danh Ngự sử đại phu đã được đặt ở đạo/tỉnh với nhiệm vụ giám sát hoạt động ở địa phương. Dưới thời vua Minh Mệnh, trong quá trình làm việc, các ty Ngự sử được phép hội đồng với các khoa tương ứng để giám sát. Ví dụ: Lại khoa hội đồng với giám sát ngự sử các đạo Nam - Ngãi, Ninh - Thái; Hộ khoa hội đồng với giám sát ngự sử các đạo Long - Tường, Định - An, Lạng - Bằng... Bên cạnh đó, trong những dịp như mất mùa, giặc giã... triều Nguyễn đặt Kinh lược đại sứ đại diện nhà vua đi thị sát, lắng nghe tình hình dân chúng và giải quyết sự vụ, trừ án tử hình ở các địa phương. Trong quá trình thực thi nhiệm vụ kinh lược, các vua Nguyễn luôn nhấn mạnh các viên đại thân “phải nên mở rộng mưu hay, làm lợi trừ hại, gỡ oan uổng cho địa phương... mọi việc đều phải một mức công bằng, trung thực” (Quốc sử quán triều Nguyễn, 2023: 1243).

- Giám sát tại địa phương: ngoài các ty Ngự sử đóng ở các đạo/tỉnh, thời Lê và Nguyễn còn có một cơ quan chuyên trách về việc giám sát bách quan ở địa phương là Hiến sát sứ ty và Án sát sứ ty. Theo quy định thời Lê Thánh Tông, Hiến sát sứ ty có chức trách là báo cáo việc phải trái, điều tra và đàn hặc những việc làm trái phép, tra cứu xét hỏi việc kiện tụng, xét thưởng công trạng của quan, quân trong một đạo, giám sát mọi công việc trong các đạo. Thời Nguyễn, còn thực hiện giám sát địa phương qua sổ thỉnh an: Tổng đốc, Tuần phủ dâng tập thỉnh an vào các tháng 1, 4, 7 và 10 âm lịch; Bố chánh, Án sát dâng sổ thỉnh an vào tháng 2 và tháng 8. Theo thống kê, thời vua Minh Mệnh có 180 tập thỉnh an của quan cấp tỉnh đã giúp vua nắm bắt tình hình dân chúng địa phương cụ thể và điều chỉnh chính sách phù hợp. Đồng thời, quy định rõ về trách nhiệm hặc tâu của quan lại địa phương và cho phép người dân tham gia vào hoạt động quản lý và giám sát quan lại địa phương như “Lý trưởng ngầm lấy tiền... giảm bớt thuế điền, bổ san cho dân cả xã cùng chịu... cho dân tố giác ra theo luật trị tội” (Quốc sử quán triều Nguyễn, 2023: 507).

3.2. Một số giá trị kế thừa đối với việc tổ chức chính quyền địa phương hiện nay

3.2.1. Về phân chia đơn vị hành chính

Chính quyền địa phương của Việt Nam từ 1945 đến nay (2025) về cơ bản được tổ chức theo 3 cấp: tỉnh, huyện và xã thể hiện sự liên mạch, kế thừa trong suốt tiến trình lịch sử dân tộc. Liên quan đến việc tổ chức, ngay từ thời quân chủ, các vị vua phong kiến Việt Nam đã có ý thức rất rõ về việc phân định cấp chính quyền địa phương theo nhiều tiêu chí: lãnh thổ, tình hình dân cư, văn hoá phong tục, vùng miền... Thời vua Lê Thánh Tông, đề phân chia lại địa dư các đạo, nhà vua đã cử quan đi đo đạc địa thế núi sông, phong tục tập quán, dân số. Nếu như đầu thời kì Lê sơ, cấp đạo được chia làm 5 đạo thì đến cải cách của vua Lê Thánh Tông, địa dư các đạo được chia nhỏ, làm 13 đạo (tương ứng với 2-3 tỉnh hiện nay), 52 phủ, 178 huyện, 50 châu và 6.851 xã (Trương Vĩnh Khang, 2017: 21). Yếu tố địa lý tự nhiên cũng ảnh hưởng đến việc thiết lập đơn vị hành chính trung gian ở vùng đồng bằng (huyện) và miền núi (châu). Hoặc dựa vào yếu tố tự nhiên thuận lợi cho sinh hoạt và sản xuất của người dân nhà nước thừa nhận và xác lập đơn vị hành chính. Tại các vùng ở cửa sông, cửa biển, nhà nước tiến hành di dân đến để lập làng lập ấp và thiết lập đơn vị hành chính mới như huyện Tiền Hải (Thái Bình) hay huyện Kim Sơn (Ninh Bình). Như vậy, việc phân định hành chính thời phong kiến dựa trên nhiều tiêu chí như địa lý, dân cư, vùng miền, tập tục và văn hóa. Cách tổ chức này góp phần nâng cao hiệu quả quản lý chính quyền địa phương và bố trí nhân sự phù hợp, qua đó để lại kinh nghiệm có giá trị kế thừa.

Hiện nay, chính quyền địa phương được tổ chức tương ứng với đơn vị hành chính lãnh thổ và từ Đại hội X, Đảng ta đã chủ trương căn tổ chức chính quyền địa phương hợp lý, phù hợp với

địa bàn nông thôn, đô thị, hải đảo, đơn vị hành chính, kinh tế đặc biệt theo luật định. Tính đến cuối năm 2024, số lượng đơn vị hành chính cấp tỉnh là 63 tỉnh, thành phố bao gồm 6 thành phố trực thuộc Trung ương và 57 tỉnh trên cả nước, 696 đơn vị cấp huyện và 10.035 đơn vị cấp xã (Báo An ninh Thủ đô, 2025). Tuy nhiên, tiêu chuẩn quy mô dân số và diện tích tự nhiên của đơn vị hành chính cấp huyện, cấp xã theo Nghị quyết số 1211/2016/UBTVQH13 ngày 25/5/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về tiêu chuẩn của đơn vị hành chính và phân loại đơn vị hành chính tương đối cao, chưa thật sự phù hợp điều kiện thực tế của một số địa bàn, vùng miền dẫn đến số lượng đơn vị hành chính cần sắp xếp lớn, khó thực hiện cùng lúc để đạt đủ tiêu chuẩn. Bên cạnh đó, địa hình chia cắt, giao thông đi lại khó khăn, dân cư phân bố rải rác, khoảng cách địa lý từ nhiều hộ dân đến trung tâm của thôn, xã cũng rất xa, dẫn đến khó khăn khi tổ chức họp, tuyên truyền vận động, sinh hoạt cộng đồng. Do vậy, Nghị quyết 35/2023/UBTVQH15 ngày 12/7/2023 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về việc sắp xếp đơn vị hành chính cấp huyện, cấp xã giai đoạn 2023-2030 đã kịp thời quy định thêm hai yếu tố trong việc sáp nhập đơn vị hành chính: yếu tố đặc thù về quốc phòng an ninh; yếu tố đặc điểm về truyền thống lịch sử, văn hoá, dân tộc, tôn giáo, tín ngưỡng, phong tục.

3.2.2. Về tổ chức chính quyền địa phương

Việc phân định đơn vị hành chính cần phải phù hợp năng lực quản lý, hoạt động của từng cấp chính quyền với bộ máy gọn nhẹ để hoạt động có hiệu quả. Hiện nay, việc tổ chức chính quyền địa phương còn giống nhau ở các cấp chính quyền địa phương. Về cơ bản, chính quyền địa phương đều có cơ quan đại diện là Hội đồng nhân dân và cơ quan hành chính là ủy ban nhân dân (không bao gồm: Hà Nội, Tp. Hồ Chí Minh, Đà Nẵng). Trong “cơ cấu tổ chức và hoạt động của chính quyền cấp dưới là bản sao của chính quyền cấp trên... Pháp luật hiện hành chưa có nhiều quy định phân biệt sự khác nhau trong cơ cấu tổ chức bộ máy của ủy ban nhân dân, các cơ quan chuyên môn của ủy ban nhân dân cấp tỉnh, cấp huyện và các chức danh chuyên trách ở cấp xã... nên còn chồng chéo về chức năng nhiệm vụ và chưa đáp ứng yêu cầu của thời kỳ mới” (Võ Công Khôi, 2023). Do vậy, cần có sự đổi mới trong tổ chức và hoạt động của các cấp chính quyền địa phương. Trong lịch sử, kinh nghiệm tổ chức phủ huyện thời vua Minh Mệnh và cấp xã là một giá trị có thể kế thừa. Vua Minh Mệnh đã căn cứ vào vị trí địa lý, đặc điểm tình hình dân cư, kinh tế - xã hội đã chia thành 4 loại phủ từ đó có sự bố trí quan lại quản lý phù hợp: phủ tối yếu khuyết có một Tri phủ, một Đồng Tri phủ, một Lại mục, 8 Thông lại; Phủ yếu khuyết có một Tri phủ, 1 Lại mục, 8 Thông lại; phủ trung khuyết và giản khuyết có 1 Tri phủ, 1 Lại mục, 4 Thông lại (Nguyễn Minh Tường, 2015: 427-429).

Đồng thời trong tổ chức quản lý cần hướng tới phát huy tính tự quản, tự chủ trong mọi công việc của chính quyền địa phương, đặc biệt ở cấp cơ sở. Từ thế kỉ XV đến thế kỉ XIX, triều đình phong kiến thừa nhận chính thức sự tự trị tự quản trong các làng xã trên các phương diện: hành chính (thiết lập và quản lý các tổ chức trong làng; tự tổ chức sản xuất; bảo đảm an ninh trật tự; tự tổ chức các hoạt động lễ hội, thờ cúng; tự tổ chức việc học hành); tài chính (việc cứu tế, tự lo ngân quỹ); tư pháp (hình thức phán xử, chế tài xử phạt, giải quyết tranh chấp đầu tiên) (Nguyễn Thị Việt Hương, 2001: 78-82). Cơ chế này vừa bảo đảm sự thống nhất giữa trung ương và địa phương, vừa tăng cường tính chủ động và yếu tố dân chủ ở cơ sở. Bên cạnh đó, với cách thức lựa chọn người đứng đầu và tổ chức thiết chế điều hành công việc trên thì làng xã có khả năng hoàn thành mọi nhiệm vụ được giao mà không cần có sự làm thay hoặc can thiệp quá sâu vào các công việc của địa phương, của quan chức bộ máy chính quyền cấp trên. Do vậy, phát huy vai trò tự quản địa phương là một kinh nghiệm đáng chú ý.

3.2.3. Về nhân sự

Để nâng cao hiệu quả quản lý chính quyền địa phương, các triều vua quân chủ đặc biệt chú trọng việc tuyển chọn quan lại địa phương. Đối với cấp phủ, huyện, triều Nguyễn đề cao tiêu

chuẩn tài năng và học vấn; dưới thời Minh Mệnh, người đỗ tiến sĩ được bổ làm Tri phủ, phó bảng giữ chức Đồng Tri phủ hoặc Tri huyện, cử nhân bổ Đồng Tri huyện, đồng thời phải qua lệ diện truyền trước khi bổ nhiệm. Ở cấp xã, ngoài các tiêu chí về tuổi tác, sức khỏe, học thức và đạo đức, các triều đại còn nhấn mạnh tiêu chuẩn dân chính cư, nhằm bảo đảm người đứng đầu am hiểu đời sống và tình hình cư dân địa phương. Quy định độ tuổi từ 30 trở lên dưới thời Lê Thánh Tông cũng cho thấy sự coi trọng kinh nghiệm và hiểu biết thực tiễn ở cơ sở. Hiện nay, tiêu chuẩn bầu Chủ tịch hay Phó chủ tịch Ủy ban nhân dân đã được quy định rõ trong các văn bản pháp luật về học vấn, chính trị, chuyên môn, đạo đức. Tuy nhiên về độ tuổi và kinh nghiệm hiểu biết về tình hình văn hoá đời sống cư dân chưa được quy định rõ ràng. Nên chăng, “ôn cố tri tân”, học tập kinh nghiệm cha ông trong cái cách đối với cấp xã thời vua Lê Thánh Tông trong việc bầu người đứng đầu cấp xã.

Bên cạnh đó, việc bố trí nhân sự thời quân chủ đặc biệt chú trọng chế độ hồi ty⁵ nhằm phòng ngừa xung đột lợi ích, hạn chế rủi ro trong thi hành công vụ và củng cố niềm tin của người dân. Đối chiếu với pháp luật hiện hành cho thấy tinh thần này vẫn được kế thừa, song các quy định mới chỉ tồn tại rải rác, lồng ghép trong nhiều văn bản mà chưa được điều chỉnh bằng một quy phạm thống nhất, cụ thể. Bên cạnh đó, Khoản 5 điều 6 Quy định 114-QĐ/TW ngày 11/7/2023 của Bộ Chính trị về kiểm soát quyền lực và phòng, chống tham nhũng, tiêu cực trong công tác cán bộ đã quy định không bố trí người có quan hệ gia đình đồng thời đảm nhận chức danh có liên quan là một bước tiến trong việc phòng trừ tiêu cực và tạo niềm tin của người dân. Mặt khác, cùng với việc quy định rõ đối tượng, phạm vi áp dụng hồi ty, cần lồng ghép biện pháp đảm bảo thi hành để nâng cao hiệu quả phòng chống tham nhũng, chống lại nguy cơ cục bộ địa phương, cục bộ ngành, cục bộ bộ.

Mặt khác, các quy định hồi ty cũng đã được lồng ghép trong các hương ước làng xã, đảm bảo sự liên thông giữa luật nước với luật tục để quản lý hiệu quả. Để tránh việc thiên vị, kéo bè kết đảng trong lúc làm việc, hương ước các làng quy định những người có quan hệ bà con gần gũi không được làm việc trong Hội đồng, Điều 13 hương ước thôn Đỗ Xá, xã Nhân Mỹ, tổng Phương Canh (Hà Nội) quy định: “Việc bầu chức dịch Hội đồng giáo biểu bầu ra bố con, bố vợ, con rể, anh em ruột không được cùng làm một thời như người làm Chánh hội, người làm Phó hội, người làm thư kí, người làm Thủ quỹ cũng vậy và Lý, Phó trưởng không được kiêm những chức ấy” (Lê Đức Tiêt, 2022: 88). Quy định này phù hợp với *Chiếu* năm 1488: “Các quan phủ huyện châu khi xét đặt xã trưởng hễ có anh em ruột, anh em con chú, con bác và bác cháu với nhau thì cho

⁵ Lệ hồi ty thời Lê. Các quan chủ ti chấm thi cùng với người dự thi có thân thuộc, cần phải hồi ty mà không từ chối tham gia chấm thi, phạt 50 roi, biếm 1 tư; nếu là quan Di phong, Đăng lục thì phạt 80 trượng; Các quan ti ở trấn ngoài mà lấy đàn bà con gái trong hạt mình xử phạt 70 trượng, biếm 3 tư và bãi chức; Các quan ti mà cùng với những người tù trưởng ở nơi biên trấn kết thông gia thì phải tội đồ hay tội lưu và phải li dị; nếu lấy trước rồi thì xử đoán khác.; Các chức quân quân, quản dân ở các xứ, Lại bộ không được lấy người quê quán ở bản xứ, có nhà gần nơi mình cai quản mà tuyên bố; Các quan phủ, huyện, châu xét đặt xã trưởng, hễ là anh em ruột, anh em con chú con bác và bác cháu, cậu cháu với nhau thì cho một người làm xã trưởng, không được cả hai cùng làm để trừ mối tự bề phái hùa nhau; Những người là con cô, con cậu, con dì con già và những người có quan hệ thông gia đều không được cùng làm xã trưởng trong một xã

Lệ hồi ty thời Nguyễn: Các quan viên ở thành, doanh, trấn về kinh vào châu, chuẩn cho từ Tham biện trở lên được dự Đình nghị. Nếu trong khi đang bàn, gặp có việc can thiệp đến địa phương mình thì phải xin tránh mặt; Các lại dịch ở các Bộ, các nha môn trong Kinh và ngoài các tỉnh có bố, con cùng anh em ruột, anh em chú bác cùng làm ở một bộ đều phải trích ra đổi bổ đi nha môn khác (trừ ti Chiêm hậu, Hiệu lễ, viện Thái y); Thông phán, Kinh lịch ở hạt mình phải đổi đi hạt khác; Những chức Tri sự, Lại mục phủ, huyện ở các tỉnh có người cùng hạt thì đều đổi đi nơi khác; Lại mục, Thông lại các nha thuộc hạt, phủ, huyện ai là người cùng làng, cùng những người làm ở nhà đã hơn ba năm trở lên thì chuyển bổ đi nha khác, ai là quê ở cùng phủ huyện cũng cho chuyển bổ. Quan lại có quan hệ với người kiện tụng, như họ hàng thân thuộc, thông gia với nhau, thầy thụ nghiệp cũ hoặc trước đó có thù hằn hiềm khích; Nhân viên dự phái việc trường thi như có họ thân chú, bác anh em cậu cháu cùng một nhà cũng chuẩn cho kiêng tránh cả để giữ nghiêm trường quy.

một người làm xã trưởng, không được cho cả hai cùng làm để trừ mối tệ bè phái hòa nhau” (Lê Đức Tiết, 2020: 89). Do vậy, đối với các làng xã hiện nay cần phát huy hơn nữa vai trò của hương ước trong việc tổ chức, quản lý quy định chức năng, thẩm quyền, giám sát hoạt động của cán bộ, công chức địa phương.

Ngoài ra, cha ông ta rất quan tâm đến việc quy định đạo đức công vụ của quan lại trong quá trình làm việc. Để đảm bảo đạo đức của quan lại nói chung và quan lại địa phương, thời Lê và Nguyễn đã luật hoá các quy tắc đạo đức của Nho giáo, đạo đức truyền thống của người Việt vào pháp luật. Theo thống kê trong 2 bộ luật *Quốc triều hình luật* thời Lê và *Hoàng Việt luật lệ* thời Nguyễn, số lượng điều khoản đề cập đến trách nhiệm, đạo đức của quan chức chiếm tỷ lệ đáng chú ý. Cụ thể: *Quốc triều hình luật* có 216/722 điều khoản (chiếm 29,92%); bộ *Hoàng Việt luật lệ* có 180/396 điều khoản (chiếm 45,45%) đề cập đến đạo đức của quan chức đối với vua, đồng僚, dân, bản thân và công việc. Mặc dù hiện nay đã có những quy định về đạo đức công vụ, ứng xử của cán bộ, công chức trong thực thi công vụ, tuy nhiên còn khá tản mạn. Đồng thời, với chủ trương xây dựng đội ngũ cán bộ, công chức thật sự “trọng dân, gần dân, tin dân, hiểu dân, học dân, dựa vào dân và có trách nhiệm với dân” (Mạch Quang Thắng, 2021) thì việc ban hành Luật Đạo đức công vụ là sự cần thiết. Trong đó, cần bổ sung làm rõ trách nhiệm, thái độ phục vụ đúng mực, lịch sự, nghiêm túc, khiêm tốn, tôn trọng, lắng nghe, không được cửa quyền, hách dịch, gây khó dễ phiền hà cho dân và công tâm, khách quan, tận tình hướng dẫn dân của cán bộ, công chức đối với dân trong các quy định của pháp luật. Nội dung các quy định càng cụ thể thì sẽ càng dễ dàng kiểm soát được hành vi ứng xử và đánh giá thái độ phục vụ của cán bộ, công chức với người dân.

Mặt khác, việc sắp xếp số lượng nhân sự ở các địa phương cũng cần “ôn cố tri tân”. Đối với địa phương, thời vua Minh Mệnh, ở những nơi công việc không nhiều, tình hình không phức tạp nhà nước đã mạnh dạn quyết định giảm bớt số quan lại để giảm chi phí lương bổng và giảm phiền hà, sách nhiễu cho người dân. Nguyễn Trường Tộ, một nhà cải cách thời Nguyễn thế kỉ XIX cũng cho rằng cần thiết phải giảm bớt quan chức để giảm nhẹ gánh nặng công cộng và chống tham nhũng: “Người giỏi hành chính thì một tỉnh đối với họ cũng chỉ như một huyện, một huyện như một tổng mà thôi. Còn người không khéo xử trí công việc thì dù cai quản việc nhà cũng không làm nổi, huống gì một tỉnh một huyện” (Hồng Nhung, 2020). Bên cạnh đó, trong các làng xã, các chức danh được quy định rõ ràng về tên gọi, số lượng: “Tuỳ theo làng lớn, nhỏ mà có thể kiêm nhiệm, có những chức vụ có thể kiêm nhiệm như thư kí kiêm chức Chuông bạ, Phó lý kiêm chức Trương tuần, Cai bạ. Do đó số người làm việc có thể ít đi. Có những chức vụ không thể kiêm nhiệm như Lý trưởng không được kiêm chức thủ quỹ để phòng sự lạm dụng” (Lê Đức Tiết, 2020: 95). Việc quy định rõ chức năng, nhiệm vụ và thẩm quyền sẽ hạn chế sự chồng chéo trong thực thi công vụ. Đến nay, kinh nghiệm tinh giản quan lại, xây dựng bộ máy tinh gọn và hiệu quả trong lịch sử vẫn là bài học tham khảo có giá trị đối với tổ chức chính quyền hiện nay. Quá trình này cần được thực hiện theo lộ trình phù hợp, trên cơ sở đánh giá cán bộ, công chức về năng lực, đạo đức và vị trí việc làm.

3.2.4. Về giám sát

Các vua Lê và Nguyễn đã thiết lập cơ chế giám sát đa chiều, kết hợp cả chiều dọc và chiều ngang, từ trung ương đến địa phương. Đáng chú ý, các cơ quan giám sát như Ngự sử đài, Đô sát viện, Án sát sứ ty và Hiến sát sứ ty đều được tổ chức tương đối độc lập, không lệ thuộc vào cơ quan hành chính cùng cấp, nhờ đó nâng cao hiệu quả kiểm soát quyền lực. Đây là kinh nghiệm lịch sử có giá trị cần được kế thừa và phát huy.

Hiện nay, Luật giám sát của Quốc hội và Hội đồng nhân dân đã được ban hành thể hiện một bước tiến trong việc giám sát hệ thống chính quyền địa phương. Tuy nhiên, cần quy định cụ thể hơn nữa nhiệm vụ, quyền hạn và quy trình giám sát của Hội đồng nhân dân và các cơ quan của Hội đồng nhân dân, đại biểu Hội đồng nhân dân; đặc biệt, cần phải quy định rõ việc xử lý, thực hiện các kiến nghị của các chủ thể giám sát và trách nhiệm của các cá nhân, tổ chức và cơ quan

chịu sự giám sát. Đồng thời, tiếp tục rà soát, bổ sung, sửa đổi, hoàn thiện các quy định về quy trình, thủ tục hành chính; tạo điều kiện cho nhân dân giám sát để kịp thời ngăn ngừa cán bộ, công chức lợi dụng kẽ hở từ những quy định của pháp luật, từ đó nảy sinh tiêu cực trong quá trình thực thi công vụ.

4. Kết luận

Chính quyền địa phương về cơ bản từ thời xưa đến nay đều được thiết lập trên cơ sở đơn vị hành chính lãnh thổ. Từ thế kỉ XV đến thế kỉ XIX, tổ chức chính quyền địa phương thời Lê và thời Nguyễn luôn có sự kế thừa các vương triều phong kiến trước và tiếp thu cách thức tổ chức quản lý của Trung Quốc nhằm đáp ứng nhu cầu cai trị và tình hình kinh tế, xã hội. Chính quyền địa phương luôn là một bộ phận có mối liên hệ chặt chẽ với chính quyền trung ương, là nơi triển khai, tiếp nhận và thực hiện những chính sách của nhà nước và là cầu nối giữa chính quyền trung ương với người dân. Việc phân định, phân cấp, phân quyền, lựa chọn nhân sự đối với mỗi cấp chính quyền địa phương trong lịch sử thể hiện sự am tường về địa lý, tôn trọng phong tục, tập quán cũng như sự tiếp thu có chọn lọc yếu tố bên ngoài của cha ông ta. Do vậy, trong bối cảnh đổi mới trong nước và kinh nghiệm thế giới, việc xây dựng và hoàn thiện hệ thống và cấp chính quyền địa phương hiện nay là cần thiết và “ôn cố tri tân” cũng là một cách thức.

Tài liệu tham khảo

- Báo An ninh Thủ đô. (2025). Trước chủ trương sáp nhập tỉnh, bỏ huyện, cả nước có bao nhiêu xã, huyện? <https://anninhthudo.vn/truoc-chu-truong-sap-nhap-tinh-bo-huyen-ca-nuoc-co-bao-nhieu-xa-huyen-post605372.antd>
- Đại Việt sử kí toàn thư. (1993). Nxb. Khoa học xã hội.
- Đỗ Bang. (1997). *Tổ chức bộ máy nhà nước triều Nguyễn giai đoạn 1802-1884*. Nxb. Thuận Hoá.
- Hồng Nhung. (2020). Triều Nguyễn tinh giản đội ngũ quan lại. <https://www.moha.gov.vn/nghien-cuu-trao-doi/trieu-nguyen-tin-gian-doi-ngu-quan-lai-d735-t45593.html>
- Lê Đức Tiết. (2020). *Hương ước lệ làng: quá khứ, hiện tại và tương lai*. Nxb. Tư pháp.
- Mạch Quang Thắng. (2021). Đưa Nghị quyết Đảng vào cuộc sống. *Báo Điện tử Đảng Cộng sản Việt Nam*. <http://tapchiquptd/vi/quan-triet-thuc-hien-nghi-quyet/that-chat-moi-quan-he-mat-thiet-giua-dang-voi-nhan-dan-dua-vao-dan-de-xay-dung-dang/17767.html>
- Ngô Sĩ Liên. (1993). *Đại Việt sử kí toàn thư*. Nxb. Khoa học xã hội.
- Nguyễn Minh Tường. (2015). *Tổ chức bộ máy nhà nước quân chủ Việt Nam (từ năm 939 đến năm 1884)*. Nxb. Khoa học xã hội.
- Nguyễn Thị Việt Hương. (2001). *Tư tưởng chính trị- pháp lý làng xã cổ truyền và ảnh hưởng của nó đối với xã hội Việt Nam*. [Luận án tiến sĩ Luật học, Viện nhà nước và pháp luật].
- Nội các triều Nguyễn. (1993). *Khâm định Đại Nam hội điển sự lệ*. Nxb. Thuận Hóa.
- Quốc sử quán triều Nguyễn. (2023). *Đại Nam thực lục*. Nxb. Giáo dục.
- Quốc sử quán triều Nguyễn. (1994). *Minh Mệnh chính yếu*. Nxb. Thuận Hóa.
- Quốc sử quán triều Nguyễn. (1998). *Khâm định Việt sử thông giám cương mục*. Nxb. Giáo dục.
- Trương Vĩnh Khang. (2017). Đơn vị hành chính lãnh thổ thời phong kiến ở Việt Nam. *Tạp chí Khoa học xã hội Việt Nam*. Số 7.
- Viện Sử học. (2009). *Cổ luật Việt Nam: Quốc triều hình luật và Hoàng Việt luật lệ*. Nxb. Giáo dục.
- Võ Công Khôi. (2023). Thực trạng và giải pháp đổi mới tổ chức và hoạt động của chính quyền địa phương, Việt Nam hội nhập. <http://vietnamhoinhap.vn/vi/thuc-trang-va-giai-phap-doi-moi-to-chuc-va-hoat-dong-cua-chinh-quyen-dia-phuong-43068.htm>
- Vũ Duy Mên. (2008). Bộ máy hành chính làng xã thời Nguyễn (nửa đầu thế kỉ XIX). In trong Kỷ yếu Hội thảo khoa học: *Chúa Nguyễn và vương triều Nguyễn trong lịch sử Việt Nam từ thế kỉ XVI đến thế kỉ XIX*. Thanh Hoá.
- Vũ Thị Yến. (2015). Cải cách tại cấp đạo của vua Lê Thánh Tông và một số bài học kinh nghiệm. *Tạp chí Tổ chức nhà nước*. <http://tcnn.vn/news/detail/21088/Cai-cach-tai-cap-dao-cua-vua-Le-Thanh-Tong-va-mot-so-bai-hoc-kinh-nghiem.html>